**Mẫu số 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BKHĐT)*

**HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tên dự án:** | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |  |
| *[ghi tên dự án theo đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi*  *được phê duyệt]* | | | | |
|  | **Phát hành ngày:** | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | |  |
| *[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà đầu tư]* | | | | |
| **Ban hành kèm theo Quyết định:** | | | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |  |

*[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển]*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tư vấn lập hồ sơ mời sơ tuyển (nếu có)** *[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]* | **Bên mời thầu** *[ghi tên, ký tên, đóng dấu]* |

**MỤC LỤC**

**MÔ TẢ TÓM TẮT**

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

**PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN**

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

**PHẦN 2. BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN**

Chương V. Báo cáo tóm tắt dự án

**MÔ TẢ TÓM TẮT**

**PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN**

**Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư vào danh sách ngắn.

**Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án.

**Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển**

Chương này bao gồm quy trình và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.

**Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ dự sơ tuyển.

**PHẦN 2. BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN**

**Chương V. Báo cáo tóm tắt dự án**

Chương này cung cấp các thông tin cơ bản của dự án để nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển.

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| BDL | Bảng dữ liệu |
| CDNĐT | Chỉ dẫn nhà đầu tư |
| HSDST | Hồ sơ dự sơ tuyển |
| HSDT | Hồ sơ dự thầu |
| HSMST | Hồ sơ mời sơ tuyển |
| HSMT | Hồ sơ mời thầu |
| Luật Đấu thầu | Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 |
| Nghị định 15/2015/NĐ-CP | Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư |
| Nghị định 30/2015/NĐ-CP | Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư |

**PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN**

**CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Nội dung sơ tuyển** | 1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDST đối với dự án được mô tả trong Chương V - Báo cáo tóm tắt dự án.  1.2. Tổng mức đầu tư/Tổng vốn đầu tư của dự án được quy định tại **BDL**.  1.3. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại **BDL**.  1.4. Các thông tin cơ bản về dự án được nêu tại **BDL**. |
| **2. Hành vi bị cấm** | 2.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.  2.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.  2.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:  a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;  b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDST, HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;  c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng với nhà thầu hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.  2.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:  a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;  b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDST, HSDT, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;  c) Nhà đầu tư cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDST, HSDT làm sai lệch kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.  2.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:  a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;  b) Các hành vi cản trở đối với nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.  2.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:  a) Tham dự thầu với tư cách là nhà đầu tư đối với dự án do mình làm bên mời thầu hoặc thực hiện các nhiệm vụ của bên mời thầu;  b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMST, HSMT đối với cùng một dự án;  c) Tham gia đánh giá HSDST, HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với cùng một dự án;  d) Là cá nhân thuộc bên mời thầu nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc là người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu đối với dự án do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư tham dự thầu;  đ) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật Đấu thầu.  2.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm e Khoản 8 Điều 73, điểm 1 Khoản 3 Điều 75, Khoản 7 Điều 76, Khoản 7 Điều 78 và điểm d Khoản 4 Điều 92 của Luật Đấu thầu:  a) Nội dung HSMST, HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;  b) Nội dung HSDST, HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDST, HSDT trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;  c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDST, HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà đầu tư trong quá trình đánh giá HSDST, HSDT trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;  d) Báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;  đ) Kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định;  e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư được đóng dấu bảo mật theo quy định của pháp luật. |
| **3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư** | Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên trong liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  3.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.  3.2. Hạch toán tài chính độc lập.  3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.  3.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL**.  3.5. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.  3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động, đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. |
| **4. Nội dung HSMST** | 4.1. HSMST gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi HSMST (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:  **Phần 1. Thủ tục sơ tuyển**  - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư  - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu  - Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá HSDST  - Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển  **Phần 2. Báo cáo tóm tắt dự án**  - Chương V. Báo cáo tóm tắt dự án  4.2. Thông báo mời sơ tuyển do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMST.  4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMST, tài liệu giải thích làm rõ HSMST, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hoặc các tài liệu sửa đổi của HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNĐT mà không do Bên mời thầu cung cấp.  4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, báo cáo tóm tắt dự án và các yêu cầu khác trong HSMST để chuẩn bị HSDST. |
| **5. Làm rõ HSMST, hội nghị tiền đấu thầu** | 5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMST, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT đến Bên mời thầu theo địa chỉ tại Mục 1.1 CDNĐT hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) theo quy định tại Mục 5.2 CDNĐT.  Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMST của bất kỳ nhà đầu tư nào, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời tất cả đề nghị làm rõ HSMST và gửi văn bản làm rõ HSMST cho nhà đầu tư có yêu cầu làm rõ HSMST và tất cả nhà đầu tư khác đã nhận HSMST từ Bên mời thầu, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMST theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT.  5.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL**. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMST. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMST, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến Bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu.  Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ câu hỏi của nhà đầu tư và câu trả lời của Bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMST và gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMST. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp HSMST cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNĐT. |
| **6. Khảo sát hiện trường** | 6.1. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư (nếu có) được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư cam kết rằng Bên mời thầu không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**.  6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án. |
| **7. Sửa đổi HSMST** | 7.1. Việc sửa đổi HSMST được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMST. Văn bản sửa đổi HSMST, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSMST.  7.2. Văn bản sửa đổi HSMST được gửi (trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc email) đến tất cả nhà đầu tư nhận HSMST từ Bên mời thầu.  7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMST đến các nhà đầu tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu thực hiện theo quy định tại **BDL**. Nhằm giúp các nhà đầu tư có đủ thời gian để sửa đổi HSDST, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.2 CDNĐT. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu về việc đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSMST theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. |
| **8. Chi phí dự sơ tuyển** | Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDST. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự sơ tuyển của nhà đầu tư. |
| **9. Ngôn ngữ của HSDST** | HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**. |
| **10. Thành phần của HSDST** | HSDST phải bao gồm các thành phần sau đây:  10.1. Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNĐT;  10.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNĐT;  10.3. Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển (trong trường hợp cần thiết);  10.4. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà đầu tư liên danh theo Mẫu số PL 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển;  10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT;  10.6. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL**. |
| **11. Đơn dự sơ tuyển** | 11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự sơ tuyển phải được chuẩn bị theo Mẫu PL 01 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được ủy quyền; trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà đầu tư cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền).  11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải được chuẩn bị theo Mẫu PL 01 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên thay mặt liên 1 danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh, ký tên, đóng dấu (nếu có).  Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, thành viên trong liên danh cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền. |
| **12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư** | 12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**.  12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm:  a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai 1 theo các Mẫu tại Phần B Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển;  b) Các tài liệu khác theo quy định tại **BDL**. |
| **13. Thời gian có hiệu lực của HSDST** | 13.1. HSDST phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDST nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.  13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDST, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDST. Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDST thì HSDST của nhà đầu tư không được xem xét, đánh giá tiếp. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn được phép cập nhật năng lực, kinh nghiệm của mình trong quá trình đánh giá HSDST. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. |
| **14. Quy cách HSDST và chữ ký trong HSDST** | 14.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDST bao gồm: 01 bản gốc HSDST và một số bản chụp HSDST theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDST”, “BẢN CHỤP HSDST”.  Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDST SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDST SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDST THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDST THAY THẾ”.  14.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì xử lý theo quy định tại **BDL**.  14.3. Bản gốc của HSDST phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự sơ tuyển, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST.  14.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì HSDST phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện liên danh theo thỏa thuận liên danh. Văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.  14.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự sơ tuyển. |
| **15. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDST** | 15.1. Túi đựng HSDST bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDST, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN".  Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDST thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong túi bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ”.  Các túi đựng: HSDST, HSDST sửa đổi, HSDST thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư.  15.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin:  a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư;  b) Tên người nhận là tên Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT;  c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.4 CDNĐT;  d) Dòng, chữ cảnh báo: “không được mở trước thời điểm mở thầu”.  15.3. Trong trường hợp HSDST gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDST của Bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDST, tránh thất lạc, mất mát.  15.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMST này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDST trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDST theo hướng dẫn quy định tại các Mục 15.1 và 15.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDST nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên. |
| **16. Thời điểm đóng thầu** | Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDST đến địa chỉ của Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDST của tất cả nhà đầu tư nộp HSDST trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà đầu tư tham dự sơ tuyển chưa mua hoặc chưa nhận HSMST trực tiếp từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMST thì nhà đầu tư phải trả cho Bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMST theo quy định tại **BDL** trước khi HSDST được tiếp nhận.  16.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu khi sửa đổi HSMST theo Mục 7 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.  16.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư đã nhận HSMST hoặc đã nộp HSDST, đồng thời đăng tải thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu (bao gồm thông báo bằng tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế). Khi thông báo, Bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới được gia hạn để nhà đầu tư có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDST theo yêu cầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDST có thể nhận lại HSDST của mình để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDST thì Bên mời thầu quản lý HSDST đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”. |
| **17. HSDST nộp muộn** | Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDST nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDST nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDST nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. |
| **18. Sửa đổi, thay thế và rút HSDST** | 18.1. Sau khi nộp HSDST, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST bằng cách gửi văn bản đề nghị có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST.  18.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDST phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau:  a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 14 và Mục 15 CDNĐT, trên túi đựng văn bản đề nghị phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDST” hoặc “THAY THẾ HSDST”;  b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT.  18.3. Văn bản đề nghị rút HSDST phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Trên túi đựng văn bản phải ghi rõ “RÚT HSDST”;  b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT.  HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư theo nguyên trạng.  18.4. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc sửa đổi hoặc rút HSDST của nhà đầu tư nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu. |
| **19. Mở thầu** | 19.1. Ngoại trừ trường hợp HSDST nộp muộn theo quy định tại Mục 17 và HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 18.3 CDNĐT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo điểm b Mục 19.2 CDNĐT của tất cả HSDST đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mời thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự sơ tuyển. Chỉ có các HSDST được mở và đọc to trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.  19.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDST theo trình tự sau đây:  a) Kiểm tra niêm phong;  b) Mở bản gốc HSDST, HSDST sửa đổi (nếu có) hoặc HSDST thay thế (nếu có) và đọc to, rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, hiệu lực của HSDST, số lượng bản gốc, bản chụp và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết;  c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự sơ tuyển, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDST nào khi mở thầu, trừ các HSDST nộp muộn theo quy định tại Mục 17 CDNĐT.  19.3. Đối với trường hợp xin rút HSDST  Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDST”, túi đựng HSDST của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDST sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDST và vẫn mở HSDST tương ứng nếu văn bản đề nghị “RÚT HSDST” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.  19.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSDST  Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng văn bản đề nghị “SỬA ĐỔI HSDST”, văn bản đề nghị gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDST sửa đổi tương ứng trước khi mở HSDST ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDST nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.  19.5. Đối với trường hợp thay thế HSDST  Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDST” và HSDST thay thế này sẽ được thay cho HSDST bị thay thế. HSDST bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDST nếu văn bản đề nghị thay thế HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.  19.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 19.2 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư tham dự sơ tuyển. |
| **20. Bảo mật** | 20.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDST đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDST của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDST.  20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDST theo quy định tại Mục 21 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDST cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển. |
| **21. Làm rõ HSDST** | 21.1. Sau khi mở HSDST, trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm.  21.2. Sau khi mở HSDST, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDST cần phải làm rõ. Tài liệu làm rõ HSDST được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDST, Việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà đầu tư tham dự thầu.  21.3. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng, được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDST của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSDST nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDST.  21.4. Trường hợp sau khi hết hạn nộp HSDST, nhà đầu tư phát hiện HSDST thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi là một phần của HSDST. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. |
| **22. Các đối tác có liên quan** | Nhà đầu tư phải kê khai các đối tác dự kiến sẽ cùng tham gia thực hiện dự án theo Mẫu PL 04 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển. |
| **23. Đánh giá HSDST và xếp hạng nhà đầu tư** | 23.1. Việc đánh giá HSDST thực hiện theo quy trình và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III - Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.  23.2. Việc xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại **BDL**. |
| **24. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn** | Nhà đầu tư được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  24.1. Có HSDST hợp lệ;  24.2. Có tổng điểm đánh giá về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu, điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn mức điểm tối thiểu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển;  24.3. Thuộc danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại Mục 23.2 CDNĐT. |
| **25. Công khai kết quả sơ tuyển** | Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, Bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn) lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả sơ tuyển tới các nhà đầu tư nộp HSDST. |
| **26. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu** | Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình sơ tuyển, kết quả sơ tuyển đến Bên mời thầu, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật Đấu thầu và Điều 88, 89 và 90 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. |
| **27. Xử lý vi phạm trong đấu thầu** | 27.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.  27.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Mục này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thần và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.  27.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Người có thẩm quyền hoặc trong một Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại 1 Khoản 3 Điều 90 Luật Đấu thầu.  27.4. Công khai xử lý vi phạm:  a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp;  b) Quyết định xử lý vi phạm được đăng tải trên Báo đấu thầu, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. |
| **28. Giám sát, theo dõi quá trình sơ tuyển** | Người có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại **BDL** giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi. |

**CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **CDNĐT 1.1** | Tên và địa chỉ của Bên mời thầu:  - Tên Bên mời thầu: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Bên mời thầu]*  - Đại diện: \_\_\_\_\_ *[ghi tên đầy đủ của người đại diện]*  - Số tầng/số phòng: \_\_\_ *[ghi số tầng, số phòng (nếu có)]*  - Tên đường, phố: \_\_\_ *[ghi tên đường phố, số nhà]*  - Thành phố: \_\_\_ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]*  - Mã bưu điện: \_\_\_ *[ghi mã bưu điện (nếu có)]*  - Số điện thoại: \_\_\_ *[ghi số điện thoại, bao gồm mã nước và mã thành phố]*  - Số fax: \_\_\_\_ *[ghi số fax, bao gồm mã nước và mã thành phố]*  - Địa chỉ e-mail: \_\_\_\_ *[ghi địa chỉ email (nếu có)]* |
| **CDNĐT 1.2** | - Tổng mức đầu tư của dự án: \_\_\_ *[ghi tổng mức đầu tư của dự án bằng số và bằng chữ theo quyết định phê duyệt đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi]*  - Tổng vốn đầu tư của dự án: \_\_\_ *[ghi tổng vốn đầu tư của dự án bằng số và bằng chữ VNĐ theo quyết định phê duyệt đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi]* |
| **CDNĐT 1.3** | Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp và huy động:  - Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp(1): \_\_\_\_ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ]*  - Vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động: \_\_\_ *[ghi vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động bằng số và bằng chữ]* |
| **CDNĐT 1.4** | Thông tin cơ bản của dự án bao gồm: *[ghi tóm tắt thông tin cơ bản dự án theo nội dung dưới đây trên cơ sở đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]*  a) Tên dự án: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  b) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  c) Tên đơn vị chuẩn bị dự án:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  d) Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất:\_\_\_\_\_  đ) Yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại Chương V;  e) Tổng mức đầu tư/Tổng vốn đầu tư:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  g) Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án:\_\_\_\_\_\_\_\_  h) Loại hợp đồng dự án:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  i) Thời gian hợp đồng dự án:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| **CDNĐT 3.4** | - Nhà đầu tư tham dự thầu là doanh nghiệp thì phải không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: \_\_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mời thầu]*  - Nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau:  + Tư vấn lập đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có): \_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn](2)*  + Tư vấn thẩm định đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có): \_\_\_ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*  + Tư vấn lập HSMST (nếu có); \_\_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*  + Tư vấn thẩm định HSMST (nếu có): \_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*  + Tư vấn đánh giá HSDST (nếu có): \_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*  + Tư vấn thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có): \_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]*  - Nhà đầu tư tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với: \_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mời thầu]* |
| **CDNĐT 5.2** | Hội nghị tiền đấu thầu *[ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”]* được tổ chức. *[Trường hợp Hội nghị được tổ chức: ghi ngày, giờ, địa điểm sẽ diễn ra hội nghị]* |
| **CDNĐT 6.1** | Bên mời thầu *[ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”]* tổ chức khảo sát hiện trường. *[Trường hợp Bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm]* |
| **CDNĐT 7.3** | Tài liệu sửa đổi HSMST sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu \_\_\_\_\_ ngày *[ghi số ngày cụ thể, nhưng phải bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDST và tối thiểu là 10 ngày]*  Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMST không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng. |
| **CDNĐT 9** | *[Căn cứ hình thức sơ tuyển, ghi rõ ngôn ngữ của HSDST:*  *- Đối với sơ tuyển quốc tế:*  *HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng: \_\_\_\_ [Trường hợp HSMST được viết bằng tiếng Anh thì ghi “tiếng Anh”; HSMST được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDST căn cứ vào nội dung của bản HSMST bằng tiếng Anh”.*  *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang \_\_\_\_\_ [Trường hợp HSMST được viết bằng tiếng Anh thì ghi “tiếng Anh”; HSMST được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDST”]. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.*  *- Đối với sơ tuyển trong nước:*  *HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt.*  *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung]* |
| **CDNĐT 10.6** | Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây: \_\_\_\_ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDST ngoài các nội dung quy định tại Mục 10.1, 10.2, 10.3, 10.4 và 10.5 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”]* |
| **CDNĐT 12.1** | Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư:  a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:  - Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp;  - Báo cáo tài chính trong \_\_\_\_ năm *[ghi số năm theo yêu cầu]* đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận, các tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư hạch toán tài chính độc lập.  b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:  - Các tài liệu nêu tại Điểm a Mục này đối với từng thành viên trong liên danh;  - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu PL 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển. |
| **CDNĐT 12.2 (b)** | Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây: \_\_\_\_ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDST ngoài các nội dung quy định tại Mục 12.2 (a) CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là* “không áp dụng”] |
| **CDNĐT 13.1** | Thời hạn hiệu lực của HSDST là: \_\_\_\_\_ ngày *[ghi cụ thể số ngày, tối đa là 180 ngày]* kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. |
| **CDNĐT 14.1** | Số lượng bản chụp HSDST là: \_\_\_\_ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết]*  Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà đầu tư phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDST. |
| **CDNĐT 14.2** | Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDST của nhà đầu tư bị loại. |
| **CDNĐT 16.1** | - Thời điểm đóng thầu là: \_\_ giờ \_ phút, ngày \_\_ tháng \_\_ năm\_  *[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMST đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 30 ngày và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDST]*  - HSMST có mức giá bán là: \_\_\_ *[ghi mức giá bán bộ HSMST, đảm bảo không quá 5.000.000 (năm triệu) đồng đối với sơ tuyển trong nước; không quá 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với sơ tuyền quốc tế]* |
| **CDNĐT 19.1** | Thời điểm mở thầu là: \_\_\_ giờ \_\_\_ phút, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:  - Số nhà/số tầng/số phòng:  - Tên đường, phố:  - Thành phố:  *[ghi ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu]* |
| **CDNĐT 21.3** | Thời gian làm rõ HSDST của nhà đầu tư trong vòng: \_\_\_ ngày kể từ ngày Bên mời thầu có văn bản yêu cầu làm rõ.  *[Bên mời thầu quy định số ngày phù hợp, đảm bảo nhà đầu tư có đủ thời gian làm rõ HSDST].* |
| **CDNĐT 23.2** | HSDST của nhà đầu tư có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất. Trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn \_\_\_\_ *[căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, bên mời thầu quy định số lượng nhà đầu tư trong danh sách ngắn đảm bảo tối thiểu là 03 nhà đầu tư và tối đa là 05 nhà đầu tư]* nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn. |
| **CDNĐT 26** | Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:  a) Địa chỉ của Bên mời thầu: \_\_\_\_ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của Bên mời thầu]*.  b) Địa chỉ của Người có thẩm quyền: \_\_\_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án]*.  c) Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: \_\_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ]*. |
| **CDNĐT 28** | Thông tin của cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi: \_\_\_\_\_ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ số điện thoại, số fax của cá nhân, đơn vị được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án (nếu có)]*  *[Trường hợp không thực hiện giám sát, theo dõi thì ghi “không áp dụng"]* |

**CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDST**

**Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ HSDST**

***1.1. Kiểm tra HSDST***

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDST;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDST, bao gồm: Đơn dự sơ tuyển; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển; giấy ủy quyền ký đơn dự sơ tuyển (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư và các nội dung khác thuộc HSDST theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSDST.

***1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDST***

HSDST của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDST;

b) Có đơn dự sơ tuyển được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự sơ tuyển theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDST với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

d) Thời hạn hiệu lực của HSDST đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

đ) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh theo Mẫu PL 03 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển;

e) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDST được kết luận là “Hợp lệ” khi tất cả các nội dung được đánh giá là “Đáp ứng”. HSDST của nhà đầu tư được kết luận là “Không hợp lệ” khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó HSDST của nhà đầu tư bị loại. Nhà đầu tư có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

**Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

***2.1. Phương pháp đánh giá***

Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm \_\_\_ *[quy định là 100 hoặc 1.000]* trong đó mức yêu cầu tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là \_\_\_% tổng số điểm *[quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%]* và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản tối thiểu là \_\_\_\_% điểm tối đa của nội dung đó *[quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

Trường hợp liên danh, năng lực về tài chính của nhà đầu tư liên danh là tổng năng lực của các thành viên trong liên danh, đồng thời từng thành viên liên danh phải đáp ứng năng lực tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính. Kinh nghiệm của nhà đầu tư liên danh thể hiện qua số dự án và bằng tổng số dự án của các thành viên trong liên danh đã thực hiện.

***2.2. Tiêu chuẩn đánh giá***

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng 1 dưới đây:

**BẢNG 1: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá về năng lực, kinh nghiệm** | **Điểm tối đa** | **Thang điểm chi tiết(1)** | **Điểm yêu cầu tối thiểu** | **Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu** |
| ***I. Năng lực tài chính (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 50-60% tổng số điểm)(2)*** | | | | | |
| 1 | Giá trị tài sản ròng bình quân trong \_\_\_ năm *[ghi số năm](3)* |  |  |  | Giá trị tài sản ròng bình quân trong \_\_\_\_ năm *[ghi số năm]*: \_\_\_ *[ghi giá trị tài sản ròng tối thiểu không thấp hơn yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu quy định tại Mục 1.3 BDL]* |
| 2 | Vốn chủ sở hữu(4) |  |  |  | Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp: \_\_\_\_ *[ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 1.3 BDL]* |
| 3 | Khả năng thu xếp vốn vay(5) |  |  |  | Vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động: \_\_\_ *[ghi vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động theo quy định tại Mục 1.3 BDL]* |
| ***II*** | ***Kinh nghiệm của nhà đầu tư (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 30-40% tổng số điểm)(6)*** |  |  |  | Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu: \_\_\_\_ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]*. Cách xác định dự án như sau(7):  - Loại 1: Dự án trong lĩnh vực \_\_\_\_ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  + Dự án có tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư tối thiểu bằng \_\_\_\_\_ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư của dự án đang xét]*  + Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét.  + Dự án đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc trong \_\_\_\_ năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu]*.  - Loại 2: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  + Dự án có tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư tối thiểu bằng \_\_\_\_ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư của dự án đang xét]*.  + Dự án mà nhà đầu tư có phần vốn chủ sở hữu không thấp hơn yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét.  + Dự án đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc trong \_\_\_ năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu]*.  - Loại 3: Dự án trong lĩnh vực tương tự mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  + Giá trị gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng \_\_\_\_ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]*.  + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong \_\_\_\_ năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu].*  - Loại 4: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  + Giá trị gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng \_\_\_\_\_ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]*.  + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong \_\_\_\_ năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu]*. |
| ***III. Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ, năng lực triển khai dự án và cam kết thực hiện dự án (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 10% tổng số điểm)(8)*** | | | | | |
| 1 | Cách tiếp cận và phương pháp luận (bao gồm nhận xét về đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án) |  |  |  |  |
| 2 | Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (bao gồm sáng kiến cải tiến) |  |  |  |  |
| 3 | Các tiêu chí khác khác(9) |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu quy định chi tiết hơn thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

*[Ví dụ: Đối với tiêu chí “Kinh nghiệm của nhà đầu tư”, Bên mời thầu có thể quy định thang điểm chi tiết như sau:*

*- Nhà đầu tư đã thực hiện 1-2 dự án: 50% điểm tối đa;*

*- Nhà đầu tư đã thực hiện 3-4 dự án: 70% điểm tối đa;*

- *Nhà đầu tư đã thực hiện từ 5 dự án trở lên: 100% điểm tối đa.]*

(2) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: vốn lưu động bình quân hàng năm, doanh thu bình quân hàng năm, không lỗ lũy kế... hoặc sử dụng tiêu chí giá trị tài sản ròng của năm tài chính gần nhất trong trường hợp dự án khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư mới được thành lập.

(3) Giá trị tài sản ròng là phần chênh lệch giữa tổng tài sản và tổng nợ. Giá trị tài sản ròng hàng năm đánh giá khả năng sinh lợi của doanh nghiệp trong năm đó cũng như khả năng chịu lỗ của doanh nghiệp.

Nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư theo Mẫu NL 01 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển.

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể bổ sung tiêu chí kiện tụng đang giải quyết của nhà đầu tư và yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thông tin về các vụ kiện đang giải quyết tại thời điểm nộp HSDST. Trường hợp vụ kiện đang giải quyết được coi là có kết quả theo hướng bất lợi cho nhà đầu tư thì nhà đầu tư phải liệt kê chi phí liên quan đến các kiện tụng. Trong trường hợp này, giá trị tài sản ròng của nhà đầu tư được xác định bằng giá trị tài sản ròng trong báo cáo tài chính năm gần nhất trừ đi chi phí liên quan đến kiện tụng. Trường hợp, tại thời điểm nộp HSDST, nhà đầu tư chưa có đầy đủ thông tin về kết quả của vụ kiện đang giải quyết thì nhà đầu tư vẫn kê khai thông tin về những vụ kiện tụng này; đồng thời đến thời điểm nộp HSDT, nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về kết quả của vụ kiện để làm cơ sở cập nhật lại năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(4) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu NL 02 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển. Trong cam kết về huy động vốn chủ sở hữu, nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về việc huy động vốn chủ sở hữu của các dự án đang thực hiện dở dang.

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính của năm gần nhất của nhà đầu tư đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại thời điểm tham gia dự án. Trường hợp HSMST chỉ yêu cầu năng lực tài chính trong năm gần nhất và nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm thì vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến thời điểm tham gia dự án; đồng thời đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ phải có văn bản cam kết về đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư tham gia nhiều dự án thì phải đảm bảo tổng số vốn chủ sở hữu đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án theo quy định.

(5) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu NL 02 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(6) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể quy định điểm thưởng tại Mục này trên cơ sở tiêu chí chất lượng của công việc đã thực hiện. Trong trường hợp này, Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư cung cấp xác nhận về việc hoàn thành dự án trong lĩnh vực tương tự, dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công theo Mẫu NL 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển.

(7) Kinh nghiệm của nhà đầu tư được thể hiện thông qua số dự án/hợp đồng trong lĩnh vực tương tự hoặc lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính. Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu NL 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự hoặc dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công một lần duy nhất (tham gia với tư cách độc lập hoặc thành viên của liên danh) có thể nắm giữ nhiều vai trò trong dự án được nói đến.

*[Bên mời thầu quy định 01 dự án thuộc loại 2 hoặc 3 bằng tối đa 0,75 dự án thuộc loại 1; 01 dự án thuộc loại 4 bằng tối đa 0,5 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đối là số lẻ.*

*Ví dụ: trường hợp Bên mời thầu quy định 01 dự án loại 2 hoặc loại 3 bằng 0,7 dự án loại 1; 01 dự án loại 4 bằng 0,5 dự án loại 1; nếu nhà đầu tư có 01 dự án loại 1, 01 dự án loại 2, 01 dự án loại 3 và 03 dự án loại 4 thì tổng số dự án tương tự của nhà đầu tư là: 1 + 0,7\*1 + 0,7\*1 + 3\*0,5 = 3,9 (tương đương 04 dự án).*

(8) Nhà đầu tư đề xuất phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ, năng lực triển khai dự án và cam kết thực hiện dự án theo Mẫu NL 04 tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển.

(9) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu đưa ra các tiêu chí khác phù hợp, nhưng không vượt quá 30% tổng số điểm của Mục III.

**CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN**

**A. Pháp lý**

1. Mẫu PL 01: Đơn dự sơ tuyển

2. Mẫu PL 02: Giấy ủy quyền

3. Mẫu PL 03: Thỏa thuận liên danh

4. Mẫu PL 04: Thông tin về nhà đầu tư

5. Mẫu PL 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án

**B. Năng lực và Kinh nghiệm**

1. Mẫu NL 01: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

2. Mẫu NL 02: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư

3. Mẫu NL 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự

4. Mẫu NL 04: Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ

**MẪU PL 01**

**ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN (1)**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_\_\_

**Kính gửi: \_\_\_\_ *[ghi tên Bên mời thầu]***(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời sơ tuyển của dự án \_\_\_\_ *[ghi tên dự án]* do \_\_\_\_\_\_ *[ghi tên Bên mời thầu]* phát hành ngày \_\_\_\_ và văn bản sửa đổi Hồ sơ mời sơ tuyển số \_\_\_\_ *[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* ngày \_\_\_\_ nhằm chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, chúng tôi, \_\_\_\_ *[ghi tên nhà đầu tư]* nộp Hồ sơ dự sơ tuyển đối với dự án nêu trên. Hồ sơ dự sơ tuyển này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời thầu có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự sơ tuyển này với tư cách là nhà đầu tư chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển là trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình sơ tuyển.

Hồ sơ dự sơ tuyển này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_ ngày(2) *[ghi số ngày]*, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (3) *[ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*.

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư(4)***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự sơ tuyển, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Thời gian có hiệu lực của HSDST được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMST. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 BDL.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự sơ tuyển thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 của Chương này; trường hợp tại Điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự sơ tuyển thì phải gửi kèm theo bản chụp của các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 của Chương này). Nếu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà đầu tư phải trình Người có thẩm quyền bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà đầu tư bị coi là gian lận theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 27 Chương I của HSMST này.

**MẪU PL 02**

**GIẤY ỦY QUYỀN(1)**

Hôm nay, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_, tại \_\_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]*, là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại \_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho: \_\_\_\_ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu dự án \_\_\_\_ *[ghi tên dự án]* do \_\_\_\_ *[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

*[- Ký đơn dự sơ tuyển;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST và văn bản giải trình, làm rõ HSDST;*

*- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;*

*- Các công việc khác [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].(2)*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ *[ghi tên nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_ (3). Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản. Người được ủy quyền giữ \_\_\_\_\_ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ dự sơ tuyển một (01) bản gốc.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người được ủy quyền** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | **Người ủy quyền** *[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)* |

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 10.3 Chương I của HSMST này. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà đầu tư để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư thực hiện một hoặc nhiều nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấn của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

**MẪU PL 03**

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_\_

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh:** \_\_\_\_ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án \_\_\_\_ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến Dự án là: \_\_\_\_\_ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình sơ tuyển và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho \_\_\_\_\_ *[ghi tên một thành viên]* đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau (có thể điều chỉnh, bổ sung theo thỏa thuận của các bên):

*[- Ký đơn dự sơ tuyển;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST và văn bản giải trình, làm rõ HSDST;*

*- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;*

*- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].*

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong liên danh(1) *[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm vốn góp chủ sở hữu trong liên danh]*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thành viên** | **Vai trò tham gia** | **Vốn chủ sở hữu** | |
| **Giá trị** | **Tỉ lệ %** |
| 1 | Thành viên 1 | *[Tài chính]* |  |  |
| 2 | Thành viên 2 | *[Kỹ thuật]* |  |  |
| 3 | Thành viên 3 | *[Vận hành/Quản lý]* |  |  |
| …. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | | **....** | **100%** |

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không được lựa chọn vào danh sách ngắn;

- Liên danh không trúng thầu;

- Hủy việc sơ tuyển dự án theo thông báo của Bên mời thầu;

- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư theo thông báo của Bên mời thầu;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng dự án.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành \_\_\_ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ \_\_\_ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự sơ tuyển 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh(2)**

*[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên trong liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

**MẪU PL 04**

**THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ**

(Địa điểm), ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

1. Tên nhà đầu tư/Tên thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:

3. Năm thành lập:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

**MẪU PL 05**

**CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN(1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đối tác(2)** | **Quốc gia nơi đăng ký hoạt động** | **Vai trò tham gia(3)** | **Người đại diện theo pháp luật** | **Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác(4)** |
| 1 | *Công ty 1* |  | *[Tổ chức cung cấp tài chính]* |  |  |
| 2 | *Công ty 2* |  | *[Nhà thầu xây dựng]* |  |  |
| 3 | *Công ty 3* |  | *[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]* |  |  |
|  | …………. |  |  |  |  |

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác khác thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “vai trò tham gia”. Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho Bên mời thầu.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó (nếu có).

**MẪU NL 01**

**NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ(1)**

**1. Tên nhà đầu tư/Thành viên trong liên danh:**

**2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên trong liên danh:**

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính trong vòng \_\_\_\_năm tài chính gần nhất(2):

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số liệu tài chính cho năm gần nhất** | | |
| **Năm 1** | **Năm 2** | **Năm ...** |
| 1 | Tổng tài sản |  |  |  |
| 2 | Tổng nợ |  |  |  |
| 3 | Giá trị tài sản ròng |  |  |  |
| 4 | Tài sản ngắn hạn |  |  |  |
| 5 | Nợ ngắn hạn |  |  |  |
| 6 | Vốn lưu động |  |  |  |
| 7 | Tổng doanh thu |  |  |  |
| 8 | Lợi nhuận trước thuế |  |  |  |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế |  |  |  |

b) Các vụ kiện đang giải quyết trong đó nhà đầu tư là một bên đương sự(3):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các vụ kiện đang giải quyết** | | | |
| **Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:**  □ Không có vụ kiện nào đang giải quyết.  □ Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh). | | | |
| **Năm** | **Vấn đề tranh chấp** | **Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng VND** | **Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng** |
|  |  |  |  |

c) Tài liệu đính kèm

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả kinh doanh) cho \_\_\_\_\_ năm tài chính gần nhất(4) và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

2. Báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Ghi số năm theo yêu cầu, thông thường là từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Các cột tại bảng cần được mở rộng cho phù hợp với số năm quy định.

(3) Trường hợp Bên mời thầu không sử dụng tiêu chí kiện tụng đang giải quyết của nhà đầu tư thì bỏ bảng này.

(4) Trường hợp báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất chưa được kiểm toán, nhà đầu tư phải cung cấp một bản cam kết về nội dung này. Đồng thời, nhà đầu tư phải cung cấp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền trước năm mà Báo cáo tài chính của năm đó chưa được kiểm toán.

**MẪU NL 02**

**CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH,**

**TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ(1)**

(Địa điểm), ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

1. Tôi là \_\_\_\_ *[ghi tên]*, \_\_\_\_ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ *[Ghi tên nhà đầu tư/ tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn tài chính** | **Giá trị** |
| **I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:** |  |
| 1. |  |
| 2. |  |
| … |  |
| **II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:** |  |
| 1. |  |
| 2. |  |
| …. |  |

3. Tài liệu kèm theo:

- Bản sao văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

- Thông tin về tình hình huy động vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện dở dang của nhà đầu tư.

- Tài liệu liên quan khác.

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

**MẪU NL 03**

**KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_\_

*[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của Bên mời thầu]*

1. Dự án số 01: \_\_\_\_ *[ghi tên dự án]*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên nhà đầu tư/ tên thành viên liên danh: | |
| 1 | Số hợp đồng: Ngày ký: |
| Tham gia dự án với vai trò:  □ Nhà đầu tư độc lập □ Thành viên liên danh nhà đầu tư  □ Nhà thầu quản lý dự án □ Nhà thầu Xây dựng □ Nhà thầu vận hành |
| Tiến độ thực hiện dự án:  □ Kết thúc xây dựng  □ Kết thúc vận hành, kinh doanh  □ Hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng dự án |
| Tiến độ thực hiện gói thầu (trường hợp là nhà thầu): |
| Tỷ lệ nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp dự án (trường hợp nhà đầu tư là liên danh): |
| Vốn chủ sở hữu đã được huy động: |
| Tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư: |
| Giá trị gói thầu/hợp đồng *(trường hợp là nhà thầu)*: |
| Loại hợp đồng: |
| Quốc gia: |
| 2 | Tên Bên mời thầu/ Cơ quan có thẩm quyền:  Địa chỉ:  Tên người liên lạc:  Điện thoại:  Fax:  Email: |
| 3 | Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư: |
| 4 | - Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện:  - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện:  (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương … VNĐ |
| 5 | - Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện:  - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện:  (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương ... VNĐ |
| 6 | *[Trường hợp Bên mời thầu đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện thì yêu cầu nhà đầu tư kê khai các nội dung sau đây:*  *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc kiểm soát chi phí của các dự án đã hoàn thành:*  *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc tuân thủ tiến độ dự kiến của các dự án đã hoàn thành:*  *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của các dự án...]* |
| 7 | Lịch sử tranh chấp, kiện tụng: |
| 8 | Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành: |

2. Dự án số 02: \_\_\_\_ *[ghi tên dự án]*

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai chính xác, trung thực các thông tin dự án đang thực hiện dở dang tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự sơ tuyển; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào kê khai không chính xác, không trung thực thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDST sẽ bị loại.

(2) Trường hợp Bên mời thầu đánh giá chất lượng công việc đã thực hiện, Bên mời thầu cần yêu cầu nhà đầu tư cung cấp xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án hoặc xác nhận của chủ đầu tư (trường hợp nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu).

**MẪU NL 04**

**PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SƠ BỘ**

*Nhà đầu tư chuẩn bị phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ gồm các phần:*

*1. Cách tiếp cận và phương pháp luận (bao gồm nhận xét về đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án).*

*2. Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (bao gồm sáng kiến cải tiến).*

*3. Các nội dung khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.*

**PHẦN 2. BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN**

**CHƯƠNG V. BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN**

*Căn cứ nội dung đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt. Bên mời thầu tóm tắt thông tin dự án, bao gồm:*

*1. Tên dự án;*

*2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án;*

*3. Mục tiêu của dự án;*

*4. Địa điểm thực hiện dự án; Quy mô, công suất dự án; Diện tích sử dụng đất (nếu có);*

*5. Yêu cầu về kỹ thuật;*

*6. Tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư;*

*7. Vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có);*

*8. Loại hợp đồng dự án;*

*9. Phương án tài chính;*

*10. Thời gian hợp đồng dự án;*

*11. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư (nếu có);*

*12. Các nội dung khác.*